**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ - PT
Ngày 21 - 02 - 2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn San.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thủy và ông Nguyễn Quốc Trưởng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2022/TLPT - HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2022/HNGĐ - ST ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2023/QĐ - PT ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Phạm Thị N (tên gọi khác: Phạm Thị H), sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

***2. Bị đơn:*** Anh Phạm Quốc C, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

***3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Ủy ban nhân dân xã Phù Vân, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; địa chỉ trụ sở: Thôn 4, xã Phù Vân, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Anh Sơn; Chức vụ: Chủ tịch, vắng mặt.

3.2. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (tên viết tắt: Agribank); địa chỉ trụ sở chính: Số 18 Trần Hữu Dực, Khu đô thị mới Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Thành; chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn Đạt; chức vụ: Giám đốc Agribank Chi nhánh Hà Nam II; địa chỉ trụ sở: Đường Lê Chân, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Vũ Thị Hà; chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch số 2 - Agribank Chi nhánh Hà Nam II, vắng mặt.

3.3. Ông Trần Văn T, sinh năm 1968; Nơi ĐKHKTT: Thôn 25, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình. (Ông T đã chết ngày 19/10/2022 theo Trích lục khai tử số 297/TLKT-BS ngày 19/10/2022 của UBND xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn T là: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1968; anh Trần Tuấn A, sinh năm 1993; anh Trần Hoàng A, sinh năm 1999; Cùng địa chỉ: Thôn 25, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình.

Người diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị N và anh Trần Hoàng A là: Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn 25, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

3.4. Bà Lại Thị N, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà 24, tổ 5, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

***4. Người kháng cáo:*** Anh Phạm Quốc C là bị đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của các đương sự, vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và Anh Phạm Quốc C kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 12/11/1999 tại UBND xã Phù Vân, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tự nguyện tìm hiểu khoảng 03 tháng. Khi cưới gia đình hai bên có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị N thời gian vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn vào năm 2013, nguyên nhân mâu thuẫn là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau và do anh C hay chửi bới xúc phạm chị, nhiều lần mâu thuẫn căng thẳng anh C có đánh đập chị. Chị đã cố gắng chịu đựng rất nhiều và cũng nhiều lần vợ chồng sống ly thân nhau. Gia đình hai bên và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không

được. Mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài và không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân lần cuối là từ tháng 03/2022 đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với Anh Phạm Quốc C. Theo anh C thời gian mẫu thuẫn vợ chồng từ năm 2021, nguyên nhân chủ yếu là do cách sống và quan điểm sống của hai bên không hợp nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân nhau kể từ tháng 03/2022 đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm và chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên xin được đoàn tụ để cùng nuôi con.

2. Về con chung: Anh, chị thống nhất xác định: Hiện nay vợ chồng có hai con chung là cháu Phạm Đức S (con trai), sinh ngày 29/5/2007 và cháu Phạm Như Ý (con gái), sinh ngày 01/6/2013. Hiện nay cháu Sơn đang ở với anh C, còn cháu Ý đang ở với chị N. Nếu ly hôn, chị N xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con; anh C xin nuôi cháu S còn chị N nuôi cháu Ý, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Con nuôi, con riêng: Chị N và anh C thống nhất không có. Hiện chị N không có thai nghén gì.

* Quan điểm của cháu Phạm Đức S: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng xin được ở với bố.

* Quan điểm của cháu Phạm Như Ý: Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ.

3. Về tài sản**:** Chị N và anh C cùng thống nhất xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có những tài sản chung sau:

- Thửa đất số 125, tờ bản đồ số PL15, diện tích 165m$^2$ tại: Thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/9/2015 mang tên ông Phạm Quốc C và bà Phạm Thị N.

- Tài sản trên thửa đất này gồm: 01 khu nhà trọ bán mái lợp prôximăng; 01 bếp mái bằng; 01 gian nhà mái bằng một tầng; 01 nhà mái bằng 02 tầng; 01 vách tường bằng nhôm kính; 01 mái tôn không tường trên nhà mái bằng; 01 nhà cấp bốn tường xây gạch xỉ; 01 tum cầu thang xây gạch xỉ; 01 bán mái lợp tôn trước cửa nhà; 01 hàng rào sắt hộp vuông.

- Tài sản đồ dùng gia dụng trong gia đình gồm có: 02 giường gỗ xoan đào; 01 giường inox; 01 quạt nước; 01 tủ tôn; 01 tủ gỗ xoan đào 03 buồng; 01 quạt bàn; 01 quạt cây; 01 quạt treo tường; 01 tivi; 01 đôi loa treo; 01 đôi loa; 01 cục đẩy; 01 bộ bàn ăn 06 ghế; 01 tủ bếp nhôm kính; 01 kệ để xoong nồi; 01 nồi nướng; 01 lò vi

sóng; 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 01 bồn đựng nước; 01 máy ép nước mía; 01 máy lọc nước; 01 điều hòa; 01 tranh thêu; 01 bộ đệm gối tựa lưng; 01 xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát: 30A-264.08.

* Quan điểm của chị N: Ly hôn đề nghị Tòa án chia đôi số tài sản chung trên theo quy định của pháp luật. Nhà đất chị đề nghị chia đôi bằng hiện vật, ô tô thì giao cho anh C sử dụng, ai sử dụng nhiều hơn thì thanh toán chênh lệch cho người kia.

Đối với bộ bàn ghế và kệ ti vi gỗ mun Nam Phi: Ngày 01/12/2019 mẹ chị là bà Lại Thị N có cho vợ chồng chị mượn: 01 bộ bàn ghế và 01 kệ ti vi đều là gỗ mun Nam Phi. Bộ bàn ghế và kệ tivi này mẹ chị mua ngày 09/11/2019 với giá là 48.000.000đ. Khi mượn thì một mình chị hỏi mượn, khi chuyển bộ bàn ghế và kệ tivi này vào nhà chị thì chị có điện thoại bằng zalo hình ảnh thông báo cho anh C biết. Nay chị xác định bộ bàn ghế và kệ tivi này là của mẹ chị nên khi vợ chồng ly hôn thì phải trả lại mẹ chị.

* Quan điểm của anh C: Nhà đất có nguồn gốc do gia đình anh tặng cho vợ chồng anh làm nơi thờ cúng tổ tiên nên anh xin sử dụng toàn bộ tài sản chung là hiện vật và anh sẽ thanh toán chênh lệch cho chị N bằng tiền.

Anh xác định bộ bàn ghế và kệ ti vi gỗ mun Nam Phi là tài sản chung của vợ chồng tôi. Vì khi mua chị N có nói với anh là bà N cho 40.000.000đ, còn lại vợ chồng anh bỏ ra 20.000.000đ để mua những tài sản này, việc đi mua và giá mua thế nào do chị N thực hiện anh không biết. Nay anh xác định bộ bàn ghế và kệ tivi này đặt tại nhà anh thì là của vợ chồng anh, tuy nhiên vì bà N có đóng góp một phần tiền để mua những tài sản này nên anh công nhận cá nhân anh có 1/6 giá trị bộ bàn ghế và kệ ti vi này (hai vợ chồng anh có giá trị là 2/6). Vì vậy khi ly hôn tôi anh xin sử dụng bộ bàn ghế và kệ ti vi này và anh có trách nhiệm trả bà N 4/6 giá trị và trả chị N 1/6 giá trị.

Đối với số tiền đóng cổ phần vào Công ty cổ phần VCH, nay anh xin rút yêu cầu không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

* Quan điểm của bà Lại Thị N: Bà là mẹ đẻ chị N, bà nhất trí với ý kiến của chị N về bộ bàn ghế và kệ tivi gỗ mun: Khi bà cho vợ chồng chị N, anh C mượn bộ bàn ghế và kệ ti vi trên thì anh C không có nhà, khi anh C về nhà thì bà có nói với anh C về việc cho mượn những thứ này. Khi cho mượn bà có nói là khi nào cần thì trả lại cho bà. Nay bà xác định bộ bàn ghế và kệ ti vi này là tài sản riêng của bà nên yêu cầu vợ chồng chị N, anh C trả lại cho bà.

* Quan điểm của UBND xã Phù Vân: Qua quá trình phối hợp với các phòng ban chuyên môn thành phố thẩm định xác định tài sản, việc sử dụng đất của hộ ông Phạm Quốc Chinh tại thửa 125 tờ bản đồ PL15 xây dựng trên đất vườn, có lấn ra

phần đất ngoài mốc giới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình là 33m$^2$ đất thuộc hành lang giao thông do UBND xã quản lý. Việc xử lý vi phạm hiện không có hồ sơ, không có văn bản xử lý, ngăn chặn gia đình xây dựng các công trình lưu tại UBND xã. Trên cơ sở hồ sơ có liên quan và các quy định của pháp luật, hiện trạng các công trình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Về công nợ:

* Chị N và anh C cùng thống nhất xác định: Ngày 11/7/2019, vợ chồng anh chị có vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 350.000.000đ, mục đích vay là để xây dựng phòng trọ cho thuê, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay là 10,5%/năm. Khi vay vợ chồng anh chị có thế chấp nhà đất của vợ chồng để bảo đảm cho khoản vay này. Sau khi vay hàng tháng vợ chồng anh chị có trả gốc lãi đầy đủ. Hiện nay vợ chồng anh chị còn nợ Ngân hàng 200.000.000đ tiền gốc và lãi. Ly hôn anh chị đều đề nghị Tòa án chia đôi khoản nợ trên theo quy định của pháp luật.

- Anh C cho rằng: Ngày 20/9/2021, anh còn vay của anh Trần Văn T số tiền gốc là 200.000.000đ; mục đích vay để chi tiêu sinh hoạt gia đình (như: ăn uống, lo cho con tiền học hành), thời hạn vay là 01 năm hẹn đến ngày 20/9/2022 sẽ trả, vay không tính lãi vì là chỗ anh em chơi với nhau. Trước khi hỏi vay chỉ một mình anh liên hệ với anh T. Trước khi vay, sau khi vay và sau khi vay anh cũng chưa bao giờ nói cho chị N biết về khoản vay này. Tuy nhiên số tiền vay này anh mang về đưa cho chị N nhiều lần để chi tiêu gia đình, đưa nhiều lần anh không nhớ cụ thể từng lần đưa và số tiền đưa, khi đưa tiền cho chị N cũng không có giấy tờ gì. Để làm tin thì khi vay anh có thế chấp cho anh T bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 30A-264.08 của vợ chồng. Đến nay anh vẫn chưa trả anh T số tiền này. Nay anh xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng anh, ly hôn thì hai vợ chồng anh cùng có trách nhiệm trả anh T số tiền trên.

* Quan điểm của đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam:

Chị N và anh C có vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam II - Phòng Giao dịch số 2) số tiền 350.000.000đồng. *(Ba trăm năm mươi triệu đồng chẵn)* tại Hợp đồng tín dụng số 2906-LAV-201901303 ngày 11/07/2019. Lãi suất tiền vay: 10.5%/năm. Mục đích vay vốn: Xây dựng phòng trọ cho thuê. Tài sản đảm bảo tiền vay của Hợp đồng tín dụng trên là giá trị Quyền sử dụng đất diện tích: 165 m$^2$ và tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng diện tích 90 m$^2$ tại địa chỉ: Thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: CA 429700 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 08/09/2015, số vào sổ cấp GCN:CS 04008, mang tên ông

Phạm Quốc Chinh và bà Phạm Thị Nụ. Hợp đồng thế chấp số 373/2015/HĐTC ngày 06/11/2015 và Văn bản sửa đổi HĐTC Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 373.01/2016/HĐTC, ngày 18/11/2016 và Văn bản sửa đổi HĐTC Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01 VBSĐHĐTC, ngày 11/07/2019.

Tính đến ngày 22/11/2022 vợ chồng chị N, anh C còn nợ Ngân hàng là: 213.008.493đ (trong đó: nợ gốc là 200.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 22/11/2022 là 13.008.493đ).

Nay chị N và anh C ly hôn yêu cầu hai vợ chồng chị N anh C cùng có trách nhiệm trả số tiền trên. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh C hoặc chị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi hợp đồng tín dụng số: 2906LAV201901303 ngày 11/07/2019 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.Trường hợp anh C hoặc chị N không thanh toán nợ theo phán quyết của Tòa án thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền làm đơn yêu cầu các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đối với phần đất và tài sản trên đất mà anh C hoặc chị N được Tòa án phân chia để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thế chấp số: 373/2015/HĐTC ngày 06/11/2015; Văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 373.01/2016/HĐTC ngày 18/11/2016 và văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01/VBSĐHĐTC ngày 11/07/2019.

* Quan điểm của ông Trần Văn T: Về thời gian vay, số tiền vay, thời hạn vay, giấy tờ thế chấp như anh C khai là đúng; mục đích anh C khi vay nói với ông là để chi tiêu gia đình, vay không tính lãi vì là chỗ anh em chơi với nhau. Để làm tin thì khi vay anh C có có thế chấp cho ông bản gốc:01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 30A-264.08; 01 giấy chứng nhận kiểm định; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc. Đến nay anh C vẫn chưa trả ông số tiền này. Nay ông xác định đây là khoản vay chung của vợ chồng chị N anh C vì anh C vay nhưng chi tiêu chung gia đình. Vì vậy khi chị N, anh C ly hôn thì ông yêu cầu cả hai vợ chồng cùng có trách nhiệm trả ông số tiền gốc trên, còn tiền lãi ông không yêu cầu.

- Ngày 19/10/2022 ông Trần Văn T chết, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T là bà Đinh Thị N, anh Trần Tuấn A, anh Trần Hoàng A (là vợ và con ông T) tham gia tố tụng trong vụ án.

- Anh Trần Tuấn A là người đại diện theo ủy quyền của bà Đinh Thị N và anh Trần Hoàng A có quan điểm: Khi bố anh (ông T) còn sống đã có quan điểm cụ thể về khoản nợ của anh C, chị N. Nay anh nhất trí với quan điểm của bố anh và đề nghị hai vợ chồng anh C, chị N cùng có trách nhiệm trả ba mẹ con anh số tiền 200.000.000đ đã vay, anh sẽ đại diện nhận số tiền nếu này. Đối với giấy tờ gốc của

chiếc xe ô tô biển kiểm soát 30A-264.08 gồm đăng ký xe, đăng kiểm, giấy chứng nhận bảo hiểm, hiện nay anh đang quản lý, sau khi nhận được tiền thì anh sẽ bàn giao lại toàn bộ giấy tờ cho người trả tiền.

* Quan điểm của Chị Phạm Thị N: Chị bác bỏ toàn bộ quan điểm của anh C và ông T về khoản nợ này. Vì chị không biết gì về khoản nợ này, anh C vay làm gì chị không biết, không đưa chị và không chi tiêu gì trong gia đình. Vì vậy chị không nhất trí trả ông T khoản nợ này.

Bản án số 50/2022/HNGĐ-ST ngày 22/11/2022, Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý đã quyết định:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 92, Điều 147, Điều 156, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 28, 29, 33, 51, 54, 55, 57, 58, 59, 62, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 207, 210, 213, 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Phạm Thị N và Anh Phạm Quốc C.

2. Về con chung: Giao Chị Phạm Thị N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Phạm Như Ý (con gái), sinh ngày 01/6/2013 cho đến khi cháu Ý trưởng thành đủ 18 tuổi; Giao anh Phạm Đức Chinh được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Phạm Đức S (con trai), sinh ngày 29/5/2007 cho đến khi cháu Sơn trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị N không có thai nghén gì.

3. Về tài sản:

3.1. Giao Chị Phạm Thị N được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

- Quyền sử dụng 68m$^2$ đất (trong đó: 21m$^2$ đất ONT và 47 m$^2$ đất CLN) tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số PL15, diện tích 165m$^2$ tại: Thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/9/2015 mang tên ông Phạm Quốc C và bà Phạm Thị N, có giá trị: 85.660.000đ. Tứ cận phần đất như sau:

+ Phía Đông giáp đường, dài 13m.

+ Phía Tây giáp thửa đất số 62, dài 13m.

+ Phía Nam giáp đường dài 5,29m.

+ Phía Bắc giáp phần đất chia cho anh C dài 5,21m.

- Quyền sở hữu: 01 khu nhà trọ bán mái lợp prôximăng, tường gạch xỉ, nền lát gạch hoa liên doanh, có giá trị: 61.865.000đ.

Tổng giá trị tài sản chị N được chia là: 147.525.000đ.

- Chị Phạm Thị N có trách nhiệm tháo dỡ một phần nhà trọ bán mái lợp prôximăng, tại vị trí mốc giới trên thửa đất mà Tòa án đã phân chia cho chị và anh C sử dụng (Theo sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo bản án).

- Tạm giao cho Chị Phạm Thị N được quyền sử dụng 7m$^2$ đất hành lang giao thông ở phía Đông phần đất mà chị được phân chia. Chị N có nghĩa vụ chấp hành các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đất đai đối với phần đất hành lang giao thông được tạm giao sử dụng này.

- Vị trí, mốc giới, tứ cận thửa đất phân chia và đất tạm giao cho Chị Phạm Thị N có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo bản án.

3.2. Giao Anh Phạm Quốc C được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

- Quyền sử dụng 97m$^2$ đất (trong đó: 85m$^2$ đất ONT và 12m$^2$ đất BHK) tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số PL15, diện tích 165m$^2$ tại: Thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/9/2015 mang tên ông Phạm Quốc C và bà Phạm Thị N, có giá trị: 332.280.000đ. Tứ cận phần đất như sau:

+ Phía Đông giáp đường, dài 19,05m.

+ Phía Tây giáp thửa đất số 62, dài 18,57m.

+ Phía Nam giáp phần đất chia cho chị N dài 5,21m.

+ Phía Bắc giáp đường dài 5,13m

- Quyền sở hữu những tài sản trên diện tích đất này gồm: 01 bếp mái bằng, nền lát gạch hoa liên doanh; 01 gian nhà mái bằng một tầng, tường xây gạch xỉ, nền lát gạch hoa liên doanh, cửa xếp và cửa kính, điện đi chìm; 01 nhà mái bằng 02 tầng, tường xây gạch đỏ và đá, công trình phụ khép kín, nền lát gạch hoa liên doanh; 01 vách ngăn tường bằng nhôm kính; 01 mái tôn không tường trên nhà mái bằng; 01 nhà cấp bốn tường xây gạch xỉ, ngói đỏ và prôximăng, đòn tay luồng; 01 tum cầu thang xây gạch xỉ, mái lợp tôn; 01 bán mái lợp tôn trước cửa nhà; 01 hàng rào sắt hộp vuông, có giá trị: 281.260.000đ.

- Quyền sở hữu những tài sản sau: 02 giường gỗ xoan đào (1,6m x 2m); 01 giường inox (1,2m x 2m); 01 quạt nước nhãn hiệu Madika; 01 tủ tôn (1,5 x 2 x 0,4)m; 01 tủ gỗ xoan đào 03 buồng (1 x 1,8 x 0,4)m; 01 quạt bàn Chinghai BF-168; 01 quạt cây Chinghai; 01 quạt treo tường Chinghai hỏng lồng trước; 01 tivi Samsung 50ich; 01 đôi loa treo Califonia do Trung Quốc sản xuất; 01 đôi loa nhãn JBL Entertaiment; 01 cục đẩy US tensound; 01 bộ bàn ăn 06 ghế; 01 tủ bếp nhôm kính treo tường; 01 kệ để xoong nồi 03 tầng gỗ xoan đào; 01 nồi nướng chân không Shap 10 lít; 01 lò vi sóng Shap; 01 máy giặt AQUA, 09 kg; 01 tủ lạnh Samsung 200 lít; 01 bồn đựng nước Tân Á 1000 lít; 01 máy ép nước mía có bánh xe; 01 máy lọc nước được treo không có tủ đựng; 01 điều hòa SKy WORTH; 01 tranh thêu (2 x 1)m; 01 bộ đệm, gối tựa lưng vỏ giả da và 01 xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát: 30A-264.08. Tổng giá trị là: 222.170.000đ.

Tổng giá giá trị tài sản mà anh C được chia là: 835.710.000đ.

- Tạm giao cho Anh Phạm Quốc C được quyền sử dụng 26m$^2$ đất hành lang giao thông ở phía Đông phần đất mà anh được phân chia. Anh C có nghĩa vụ chấp hành các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đất đai đối với phần đất hành lang giao thông được tạm giao sử dụng này.

- Vị trí, mốc giới, tứ cận thửa đất phân chia và đất tạm giao cho Anh Phạm Quốc C có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo bản án.

3.3. Tổng giá trị tài sản chung anh C được chia là 835.710.000đ. Đối trừ chênh lệch giá trị tài sản mà anh C được hưởng là 491.617.500đ, anh C có nghĩa vụ thanh toán trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị N là: 344.092.500đ

4. Công nhận sự thỏa thuận của Chị Phạm Thị N, Anh Phạm Quốc C và bà Lại Thị N: Chị Phạm Thị N và Anh Phạm Quốc C có nghĩa vụ trả lại bà Lại Thị N: 01 bộ bàn ghế gỗ mun Nam Phi (gồm 01 trường kỉ, 02 ghế rời, 01 đôn, 02 bàn kẹp, bàn có kích thước (1,7 x 0,81 x 0,54)m, có giá: 19.000.000đ và 01 kệ ti vi gỗ mun Nam Phi, có giá: 6.000.000đ.

5. Về công nợ chung:

* Anh Phạm Quốc C có nghĩa vụ trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ tính đến ngày 22/11/2022 là 213.008.493đ. Trong đó: nợ gốc là 200.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 22/11/2022 là 13.008.493đ.

- Chị Phạm Thị N có trách nhiệm thanh toán trả lại Anh Phạm Quốc C số tiền là: 106.504.246đ. Sau khi đối trừ với số tiền anh C phải thanh toán trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị N là: 344.092.500đ. Nay Anh Phạm Quốc C phải có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho Chị Phạm Thị N là: 237.588.254đ.

- Chị Phạm Thị N được hưởng chênh lệch giá trị tài sản từ Anh Phạm Quốc C là: 237.588.254đ.

* Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được nhận số tiền từ Anh Phạm Quốc C tính đến ngày 22/11/2022 là 213.008.493đ (Hai trăm mười ba triệu, không trăm linh tám nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng). Trong đó: nợ gốc là 200.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 22/11/2022 là 13.008.493đ.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi hợp đồng tín dụng số 2906-LAV-201901303 ngày 11/7/2019 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Trường hợp anh C không thanh toán nợ theo phán quyết của Tòa án thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền làm đơn yêu cầu các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đối với phần đất và tài sản trên đất mà anh C được Tòa án phân chia để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thế chấp số 373/2015/HĐTC ngày 06/11/2015; văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 373.01/2016/HĐTC ngày 18/11/2016 và văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/VBSĐHĐTC ngày 11/7/2019.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Chị Phạm Thị N có quyền tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tách phần diện tích đất đã được Tòa án phân chia cho chị (68m$^2$) để chị thực hiện quyền sử dụng, sở hữu riêng của mình mà không phụ thuộc vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 429700 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 08/9/2015.

- Đối với phần diện tích đất Anh Phạm Quốc C được Tòa án phân chia (97m$^2$): Sau khi anh C trả nợ xong cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tiền gốc và lãi thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại anh C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 429700 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 08/9/2015,

để anh C nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tách phần diện tích đất đã được Tòa án phân chia cho anh (97m$^2$) để anh thực hiện quyền sử dụng, sở hữu riêng của mình.

6. Bác các yêu cầu, đề nghị khác của các đương sự.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02/12/2022, bị đơn Anh Phạm Quốc C kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết giao cho anh được sở hữu toàn bộ thửa đất và tài sản gắn liền với đất, đồ đạc trong gia đình, anh sẽ có trách nhiệm thanh toán cho chị N ½ giá trị tài sản bằng tiền.

Tại phiên tòa anh C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:

Việc chấp hành pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Anh Phạm Quốc C; giữ nguyên bản án số 50/2022/HNGĐ-ST ngày 22/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phủn Lý, tỉnh Hà Nam.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe kiểm sát viên phát biểu ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Anh Phạm Quốc C trong thời hạn luật định và đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh C thấy: Về nguồn gốc thửa đất số 125, tờ bản đồ số PL15, diện tích 165m$^2$ tại Thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam được Sở tài nguyên, môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/9/2015 cho ông Phạm Quốc Chinh và bà Phạm Thị Nụ. Theo anh C trình bày là do bố mẹ anh cho vợ chồng anh nên anh đề nghị được sở hữu toàn bộ thửa đất và tài sản gắn liền với đất, đồ đạc trong gia đình, anh sẽ có trách nhiệm thanh toán cho chị N ½ giá trị tài sản bằng tiền. Hội đồng xét thấy về nguồn gốc thửa đất anh C và chị N đều xác định là do bố mẹ đẻ anh C cho vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và đã được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/9/2015 mang tên vợ chồng. Sau khi được bố mẹ cho

đất, vợ chồng anh C, chị N đã xây dựng các công trình trên đất, sử dụng ổn định liên tục không ai có ý kiến gì và đã được Sở tài nguyên môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Xét thấy anh C, chị N đều có nhu cầu về chỗ ở để ổn định nuôi dạy con cái, ngoài thửa đất và những tài sản trên đất này ra thì anh C, chị N không có thửa đất và chỗ ở nào khác. Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, thấy thửa đất số 125, tờ bản đồ PL 15, diện tích 165m$^2$ có diện tích đủ để chia bằng hiện vật cho anh chị mỗi người một phần, đảm bảo đủ diện tích đất tối thiểu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy cấp sơ thẩm căn cứ vào thực tế, nhu cầu sử dụng đất của anh C, chị N nên đã giao cho anh C, chị N mỗi người sử dụng một phần diện tích đất cùng tài sản trên đất trong đó giao cho anh C phần diện tích đất nhiều hơn là phù hợp. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh C không được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Anh Phạm Quốc C. Giữ nguyên bản án dân sự số 50/2022/HNGĐ-ST ngày 22/11/2022 của Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 74, Điều 92, Điều 147, Điều 156, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 28, 29, 33, 51, 54, 55, 57, 58, 59, 62, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 207, 210, 213, 219 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa Chị Phạm Thị N và Anh Phạm Quốc C.

2. Về con chung: Giao Chị Phạm Thị N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Phạm Như Ý (con gái), sinh ngày 01/6/2013 cho đến khi cháu Ý trưởng thành đủ 18 tuổi; Giao anh Phạm Đức C được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là cháu Phạm Đức S (con trai), sinh ngày 29/5/2007 cho đến khi cháu

Sơn trưởng thành đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện chị N không có thai nghén gì.

3. Về tài sản:

3.1. Giao Chị Phạm Thị N được toàn quyền sử dụng và sở hữu những tài sản sau:

- Quyền sử dụng 68m$^2$ đất (trong đó: 21m$^2$ đất ONT và 47 m$^2$ đất CLN) tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số PL15, diện tích 165m$^2$ tại: Thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/9/2015 mang tên ông Phạm Quốc C và bà Phạm Thị N, có giá trị: 85.660.000đ. Tứ cận phần đất như sau:

+ Phía Đông giáp đường, dài 13m.

+ Phía Tây giáp thửa đất số 62, dài 13m.

+ Phía Nam giáp đường dài 5,29m.

+ Phía Bắc giáp phần đất chia cho anh C dài 5,21m.

- Quyền sở hữu: 01 khu nhà trọ bán mái lợp prôximăng, tường gạch xỉ, nền lát gạch hoa liên doanh, có giá trị: 61.865.000đ.

Tổng giá trị tài sản chị N được chia là: 147.525.000đ.

- Chị Phạm Thị N có trách nhiệm tháo dỡ một phần nhà trọ bán mái lợp prôximăng, tại vị trí mốc giới trên thửa đất mà Tòa án đã phân chia cho chị và anh C sử dụng (Theo sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo bản án).

- Tạm giao cho Chị Phạm Thị N được quyền sử dụng 7m$^2$ đất hành lang giao thông ở phía Đông phần đất mà chị được phân chia. Chị N có nghĩa vụ chấp hành các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đất đai đối với phần đất hành lang giao thông được tạm giao sử dụng này.

- Vị trí, mốc giới, tứ cận thửa đất phân chia và đất tạm giao cho Chị Phạm Thị N có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo bản án.

3.2. Giao Anh Phạm Quốc C được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:

- Quyền sử dụng 97m$^2$ đất (trong đó: 85m$^2$ đất ONT và 12m$^2$ đất BHK) tại thửa đất số 125, tờ bản đồ số PL15, diện tích 165m$^2$ tại: Thôn 1, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam, đã được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/9/2015 mang tên ông Phạm Quốc C và bà Phạm Thị N, có giá trị: 332.280.000đ. Tứ cận phần đất như sau:

+ Phía Đông giáp đường, dài 19,05m.

+ Phía Tây giáp thửa đất số 62, dài 18,57m.

+ Phía Nam giáp phần đất chia cho chị N dài 5,21m.

+ Phía Bắc giáp đường dài 5,13m

- Quyền sở hữu những tài sản trên diện tích đất này gồm: 01 bếp mái bằng, nền lát gạch hoa liên doanh; 01 gian nhà mái bằng một tầng, tường xây gạch xỉ, nền lát gạch hoa liên doanh, cửa xếp và cửa kính, điện đi chìm; 01 nhà mái bằng 02 tầng, tường xây gạch đỏ và đá, công trình phụ khép kín, nền lát gạch hoa liên doanh; 01 vách ngăn tường bằng nhôm kính; 01 mái tôn không tường trên nhà mái bằng; 01 nhà cấp bốn tường xây gạch xỉ, ngói đỏ và prôximăng, đòn tay luồng; 01 tum cầu thang xây gạch xỉ, mái lợp tôn; 01 bán mái lợp tôn trước cửa nhà; 01 hàng rào sắt hộp vuông, có giá trị: 281.260.000đ.

- Quyền sở hữu những tài sản sau: 02 giường gỗ xoan đào (1,6m x 2m); 01 giường inox (1,2m x 2m); 01 quạt nước nhãn hiệu Madika; 01 tủ tôn (1,5 x 2 x 0,4)m; 01 tủ gỗ xoan đào 03 buồng (1 x 1,8 x 0,4)m; 01 quạt bàn Chinghai BF-168; 01 quạt cây Chinghai; 01 quạt treo tường Chinghai hỏng lồng trước; 01 tivi Samsung 50ich; 01 đôi loa treo Califonia do Trung Quốc sản xuất; 01 đôi loa nhãn JBL Entertaiment; 01 cục đẩy US tensound; 01 bộ bàn ăn 06 ghế; 01 tủ bếp nhôm kính treo tường; 01 kệ để xoong nồi 03 tầng gỗ xoan đào; 01 nồi nướng chân không Shap 10 lít; 01 lò vi sóng Shap; 01 máy giặt AQUA, 09 kg; 01 tủ lạnh Samsung 200 lít; 01 bồn đựng nước Tân Á 1000 lít; 01 máy ép nước mía có bánh xe; 01 máy lọc nước được treo không có tủ đựng; 01 điều hòa SKy WORTH; 01 tranh thêu (2 x 1)m; 01 bộ đệm, gối tựa lưng vỏ giả da và 01 xe ô tô Toyota Vios, biển kiểm soát: 30A-264.08. Tổng giá trị là: 222.170.000đ.

Tổng giá giá trị tài sản mà anh C được chia là: 835.710.000đ.

- Tạm giao cho Anh Phạm Quốc C được quyền sử dụng 26m$^2$ đất hành lang giao thông ở phía Đông phần đất mà anh được phân chia. Anh C có nghĩa vụ chấp

hành các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đất đai đối với phần đất hành lang giao thông được tạm giao sử dụng này.

- Vị trí, mốc giới, tứ cận thửa đất phân chia và đất tạm giao cho Anh Phạm Quốc C có sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo bản án.

3.3. Tổng giá trị tài sản chung anh C được chia là 835.710.000đ. Đối trừ chênh lệch giá trị tài sản mà anh C được hưởng là 491.617.500đ, anh C có nghĩa vụ thanh toán trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị N là: 344.092.500đ

4. Công nhận sự thỏa thuận của Chị Phạm Thị N, Anh Phạm Quốc C và bà Lại Thị N: Chị Phạm Thị N và Anh Phạm Quốc C có nghĩa vụ trả lại bà Lại Thị N: 01 bộ bàn ghế gỗ mun Nam Phi (gồm 01 trường kỉ, 02 ghế rời, 01 đôn, 02 bàn kẹp, bàn có kích thước (1,7 x 0,81 x 0,54)m, có giá: 19.000.000đ và 01 kệ ti vi gỗ mun Nam Phi, có giá: 6.000.000đ.

5. Về công nợ chung:

* Anh Phạm Quốc C có nghĩa vụ trả Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ tính đến ngày 22/11/2022 là 213.008.493đ, trong đó: nợ gốc là 200.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 22/11/2022 là 13.008.493đ.

- Chị Phạm Thị N có trách nhiệm thanh toán trả lại Anh Phạm Quốc C số tiền là: 106.504.246đ. Sau khi đối trừ với số tiền anh C phải thanh toán trả chênh lệch giá trị tài sản cho chị N là: 344.092.500đ. Nay Anh Phạm Quốc C phải có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho Chị Phạm Thị N là: 237.588.254đ.

- Chị Phạm Thị N được hưởng chênh lệch giá trị tài sản từ Anh Phạm Quốc C là: 237.588.254đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành đối với khoản tiền trên, nếu bên phải thi hành chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

* Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam được nhận số tiền từ Anh Phạm Quốc C tính đến ngày 22/11/2022 là 213.008.493đ, trong đó: nợ gốc là 200.000.000đ, nợ lãi tính đến ngày 22/11/2022 là 13.008.493đ.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, anh C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi hợp đồng tín dụng số 2906-LAV-201901303 ngày 11/7/2019 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

- Trường hợp anh C không thanh toán nợ theo phán quyết của Tòa án thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền làm đơn yêu cầu các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đối với phần đất và

tài sản trên đất mà anh C được Tòa án phân chia để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng thế chấp số 373/2015/HĐTC ngày 06/11/2015; văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 373.01/2016/HĐTC ngày 18/11/2016 và văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/VBSĐHĐTC ngày 11/7/2019.

- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Chị Phạm Thị N có quyền tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tách phần diện tích đất đã được Tòa án phân chia cho chị (68m$^2$) để chị thực hiện quyền sử dụng, sở hữu riêng của mình mà không phụ thuộc vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 429700 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 08/9/2015.

- Đối với phần diện tích đất Anh Phạm Quốc C được Tòa án phân chia (97m$^2$): Sau khi anh C trả nợ xong cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tiền gốc và lãi thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại anh C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 429700 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam cấp ngày 08/9/2015, để anh C nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tách phần diện tích đất đã được Tòa án phân chia cho anh (97m$^2$) để anh thực hiện quyền sử dụng, sở hữu riêng của mình.

6. Bác các yêu cầu, đề nghị khác của các đương sự.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là: 6.000.000đ (Toàn bộ chi phí này do Chị Phạm Thị N đã nộp toàn bộ). Chị N và anh C mỗi người phải chịu 3.000.000đ. Nay anh C phải trả lại cho chị N là: 3.000.000đ.

8. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị N và Anh Phạm Quốc C, mỗi người phải nộp 150.000đ.

- Án phí chia tài sản: Chị N và anh C, mỗi người phải nộp: 23.664.700đ.

- Án phí công nợ chung: Chị N và anh C, mỗi người phải nộp: 5.325.200đ.

Chị N được đối trừ với số tiền 9.050.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000398 ngày 31/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị N phải nộp tiếp là 20.089.900đ.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Quốc C phải chịu 300.000đ . Đối trừ số tiền 300.000đ anh C đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001577 ngày 02/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND, VKSND TP Phủ Lý;
- Chi cục THADS TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa DS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Văn San**